**ĐỀ XUẤT**

**ĐỀ TÀI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP ĐẠI HỌC NĂM 2015**

1. **Tên đề tài: *Giải quyết vấn đề thiếu đất sản xuất và việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn ở khu vực vùng biên giới phía Bắc Việt Nam: trường hợp nghiên cứu ở 2 tỉnh Hà Giang và Lạng Sơn.***
2. **Lĩnh vực nghiên cứu:** *(đánh dấu vào 1 trong các lĩnh vực dưới đây)*

Khoa học tự nhiên: Toán Vật lý Hóa học

Kinh tế; XH-NV: Kinh tế Văn Lịch sử Địa lý

Giáo dục, môi trường: Giáo dục Môi trường

Kỹ thuật: Cơ khí Điện Điện tử CNTT-TT

Nông Lâm: Nông học Lâm nghiệp Chăn nuôi, thú y

Sinh, Y, Dược: Sinh học Y Dược

1. **Tính cấp thiết:**

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa sắc thái văn hoá, trong đó phần lớn đồng bào dân tộc thiểu số sống (DTTS) ở vùng miền núi có tập quán sinh kế, văn hoá xã hội gắn với rừng và đất rừng. Chính sách dân tộc luôn là một bộ phận hết sức quan trọng và không thể thiếu trong hệ thống chính sách của Đảng và nhà nước. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại Tây Bắc, Đông Bắc và Tây Nguyên -  nơi còn nhiều rừng lại là những vùng có tỷ lệ nghèo đói cao nhất cả nước. Khắc phục tình trạng này, Nhà nước đã ban hành chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo thiếu đất như Quyết định 134/2004/QĐ-TTg, Quyết định 146/2005/QĐ-TTg. Hay tại Nghị quyết số 22/NQ-TW, ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị “ Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi” và Nghị quyết số 24/NQ-TW, ngày 21/1/2003 của BCH Trung ương Đảng khóa IX “ Về công tác Dân tộc” đã thể hiện rõ chủ trương, định hướng và những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, ổn định đời sống, phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực miền núi, vùng DTTS, trong đó có vấn đề giải quyết đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS.

Phát triển KT-XH vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc là vấn đề luôn được quan tâm. Những năm qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương chính sách cho vùng DTTS, nhờ đó, sự nghiệp phát triển của vùng đã thu được nhiều thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, đến nay các vùng có đông đồng bào DTTS vẫn là nơi chậm phát triển nhất của cả nước, mà điển hình là vùng DTTS phía Bắc.

Miền núi phía Bắc có diện tích 95.264 km2, chiếm 31% diện tích cả nước, gồm 14 tỉnh. Là vùng có vị trí chiến lược về kinh tế, an ninh, quốc phòng của quốc gia, có địa hình phức tạp. Dân số 11.064.449 người, chiếm 13,1% cả nước. Mật độ thấp 60-90 người/km2 . DTTS có 5.949.436 người, chiếm 61% dân số vùng và 53% DTTS cả nước; có 30/54 dân tộc, nhiều tỉnh, tỷ lệ DTTS trên 80%... Kinh tế truyền thống chủ yếu là: ruộng nước, nương rẫy. Trồng trọt, chăn nuôi là hoạt động sản xuất chủ yếu. Kinh tế tự nhiên vẫn có vai trò quan trọng trong cuộc sống một vài vùng, nhóm dân tộc. Văn hóa truyền thống với 2 vùng: Việt Bắc với văn hóa dân tộc Tày, Nùng và Mông, Dao, Giáy; Tây Bắc với văn hóa dân tộc Thái, Mường.

Trong hơn 30 năm qua (kể từ ngày thống nhất đất nước), nhà nước đã có những sự thay đổi căn bản trong nhận thức và áp dụng thực tiễn đối với phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số nói chung và khu vực miền núi phía Bắc nói riêng. Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình phát triển kinh tế-xã hội vùng dân tộc thiểu số thời gian qua cũng bộc lộ một số vấn đề trong quản lý sử dụng đất đai. Tình trạng thiếu đất sản xuất (đất sản xuất nông nghiệp và đất rừng) đang là rào cản trong quá trình đảm bảo sinh kế và ổn định xã hội tại các vùng đồng bào DTTS. Và cũng từ việc thiếu đất đã dẫn tới việc làm của người DTTS bị ảnh hưởng trực tiếp, qua đó làm cho thu nhập của họ không ổn định, số hộ dân nghèo có xu hướng tăng cùng với số lượng diện tích đất sản xuất bị chuyển sang khai khoáng và bỏ hoang do nạn phá rừng. Chính vì vậy, nghiên cứu chính sách nhằm giải quyết vấn đề sản xuất và việc làm cho người DTTS là hết sức cấp bách. Đặc biệt là những người DTTS nghèo vùng biên giới – khu vực miền núi phía Bắc.

Hà Giang và Lạng Sơn là 2 tỉnh miền núi phía Bắc, có đường biên giới dài tiếp giáp với Trung Quốc. Nơi đây có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số nghèo đang sinh sống.trong đó, dân số tỉnh Hà Giang năm 2013 là 824.235 người. Trong đó, các dân tộc: Mông (chiếm 32,0% tổng dân số toàn tỉnh), Tày (23,3 %), Dao (15,1 %), Việt (13,3 %), Nùng (9,9 %). Cũng như vậy, dân số của Lạng sơn là 831.887 người (điều tra dân số 01/04/2009)); có 7 dân tộc anh em, trong đó người dân tộc Nùng chiếm 42,97%, Tày chiếm 35,92%,Kinh 16,5%,còn lại là các dân tộc Dao, Hoa, Sán Chay, H'Mông...Với đặc thù như trên việc chọn 2 tỉnh Hà Giang và Lạng Sơn để nghiên cứu giải pháp giải quyết vấn đề đất sản xuất và việc làm cho người DTTS nghèo ở vùng biên giới phía Bắc là phù hợp. Kết quả phân tích sẽ được suy rộng cho các địa phương khác mà có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc.

1. **Mục tiêu:**

* Thu thập các thông tin về thực trạng quản lý, sử dụng đất nông lâm nghiệp ở vùng miền núi và tình trạng thiếu đất sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số;
* Đánh giá thực trạng lao động, việc làm và kết quả thực hiện các chính sách giải quyết việc làm cho người DTTS nghèo vùng biên giới trên địa bàn nghiên cứu;
* Có được các bài học kinh nghiệm về cách giải quyết các vướng mắc liên quan tới đất sản xuất nông lâm nghiệp và chính sách giải quyết việc làm cho người DTTS nghèo vùng vùng biên giới phía Bắc;
* Đề xuất các kiến nghị chính sách và giải pháp khắc phục tình trạng thiếu đất cho đồng bào dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo cuộc sống cho cộng đồng các dân tộc miền núi gắn với rừng và quản lý sử dụng hiệu quả tài đất đai và tài nguyên rừng bền vững ở khu vực miền núi phía Bắc Việt nam đồng thời giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho các hộ gia đình DTTS nghèo ở khu vực biên giới phía Bắc.

1. **Nội dung chính:**

* Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất sản xuất với tập quán truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số miền núi;
* Nghiên cứu, tổng kết các bài học kinh nghiệm, giải pháp/mô hình giải quyết các vướng mắc trong quản lý sử dụng đất nông lâm nghiệp, tình trạng thiếu đất sản xuất ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi;
* Nghiên cứu và đánh giá vai trò của các cộng đồng dân tộc miền núi trong quản lý, sử dụng tài nguyên đất và rừng;
* Đánh giá phân tích kết quả, những vấn đề bất cập, tồn tại và đề xuất kiến nghị  điều chỉnh chính sách và giải pháp tổ chức thực hiện giải quyết các vướng mắc đất đai cho đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo đất sản xuất nông lâm nghiệp.
* Nghiên cứu thực trạng giải quyết việc làm thông qua các chính sách của địa phương và chính sách đặc thù của Nhà nước đối với việc tăng thu nhập cho đồng bào DTTS khu vực biên giới phía Bắc trong chiến lược đảm bảo ổn định KTXH và an ninh khu vực biên giới.
* Đo lường mối quan hệ biện chứng giữa việc giải quyết vấn đề đất ở và việc làm cho người DTTS khó khăn ở khu vực biên giới.
* Nghiên cứu giải pháp và các chính sách nhằm giải quyết vấn đề thiếu đất sản xuất và việc làm cho người DTTS khó khăn ở khu vực biên giới phía Bắc.

1. **Sản phẩm và kết quả dự kiến:**

***6.1. Sản phẩm khoa học:***

Số bài báo khoa học đăng trên tạp chí trong nước: 02

Số bài báo trình bày hội nghị quốc tế: 01

***6.2. Sản phẩm đào tạo:***

Hướng dẫn thành công 01 sinh viên cao học.

Hướng dẫn thành công 01 nhóm sinh viên NCKH.

***6.3. Sản phẩm ứng dụng:***

***- Mô tả tóm tắt về sản phẩm dự kiến:***

Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ bao gồm các báo cáo đánh giá về thực trạng quy hoạch, sử dụng đất sản xuất cũng như giải quyết việc làm cho đồng bào DTTS nghèo khu vực vùng biên giới phía Bắc; Báo cáo tổng kết kinh nghiệm giải quyết vấn đề này sinh trong việc giao đất sản xuất và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc ở các tỉnh khách ở Việt Nam; ngoài ra kết quả nghiên cứu cũng đưa ra các giải pháp và khuyến nghị quan trọng, có giá trị cho các nhà hoạch định chiến lược, nhà hoặc định chính sách thông qua việc quản lý tài nguyên đất, chính sách giải quyết việc làm cho người DTTS khó khăn ở khu vực biên giới phía Bắc qua đó nhằm phát triển bền vững KTXH và đảm bảo an ninh quốc phòng vùng biên giới.

* + ***Phạm vi, khả năng và địa chỉ ứng dụng:***

Các tổ chức, cơ quan Đảng, Chính quyền đang thực hiện quản lý nhà nước trên địa bàn các tỉnh khu vực biên giới phía Bắc Việt Nam, Ban chỉ đạo tây Bắc.

1. **Hiệu quả dự kiến:**

***- Giáo dục, đào tạo:*** Kết quả nghiên cứu của đề tài là tài liệu tham khảo hữu ích cho sinh viên và giảng viên trong trường ĐH Kinh tế & QTKD cũng như các trường khác có chuyên ngành liên quan tới quản lý nhà nước về đất đai, dộc tộc và an nhinh quốc phòng. Với sự tham gia của cá nhân tác giả cũng như các giảng viên khác trong trường ĐH Kinh tế & QTKD, nghiên cứu này góp phần làm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

***- Kinh tế, xã hội:*** Giải quyết được vấn đề thiếu đất sản xuất và việc làm cho người DTTS nghèo ở khu vực biên giới phía Bắc là hết sức cần thiết. Giải quyết được vấn đề này sẽ góp phần nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững cho các hộ gia đình DTTS vùng biên cũng như dần dần nâng cao dân trí, nâng cao điều kiện sống cho cộng đồng DTTS ở vùng biên giới và qua đó gián tiếp nâng cao hiệu quả triển khai các chính sách của Đảng và Nhà nước trên địa bàn, góp phần đảm bảo một xã hội vùng biên ổn định, hòa bình và người dân gắn bó lâu dài với địa phương.

***- An ninh, quốc phòng:*** Trong quá trình phát triển khu vực biên giới phía Bắc đã xuất hiện nhiều vấn đề vượt quá khả năng và dự báo của các cơ quan quản lý nhà nước, chủ yếu là những bức xúc về chính trị- xã hội kéo dài xuất phát từ vấn đề đất đai. Trong đó, do cán bộ quản lý yếu kém, chưa thật sát dân nên ở nhiều nơi đã xảy ra tình trạng đồng bào thiểu số không đủ đất canh tác và đất ở, dẫn đến đói nghèo. Đây là một trong những cái cớ để các lực lượng bên ngoài kích động đồng bào dân tộc thiểu số gây bất ổn ở một số địa phương có nhiều người DTTS sinh sống (như vụ bất ổn ở Mường Nhé năm 2011). Do vậy, chính sách giải quyết đất ở và đất canh tác cho đồng bào dân tộc thiểu số lúc này có ý nghĩa hết sức quan trọng, và về lâu dài có ý nghĩa sống còn trong việc tạo điều kiện cho khu vực biên giới phía Bắc ổn định và phát triển bền vững.

1. **Nhu cầu kinh phí dự kiến: 80 triệu đồng (Nguồn NSNN)**
2. **Thời gian nghiên cứu dự kiến: 2014 – 2016**

*Thái Nguyên, Ngày 20 tháng 03 năm 2014*

**Cá nhân đề xuất**

**TS. TRẦN VĂN QUYẾT**